TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 40/2019/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Mỹ, ngày 08 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

Căn cứ vào Điều 149, 150, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 401/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

1. anh Đào Văn B, sinh năm: 1990

Địa chỉ: 298/29 khu phố 2, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

2. chị Nguyễn Thị P, sinh năm: 1995

Địa chỉ: tổ 9, ấp 10, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: anh Võ Văn B và chị Nguyễn Thị P cùng nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về giao quyền nuôi con khi ly hôn nên quan hệ pháp luật thụ lý giải quyết là "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn". Một trong hai người yêu cầu là chị P có nơi cư trú tại huyện CM, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu của anh B và chị P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2] Về nội dung việc hôn nhân gia đình:

- Quan hệ hôn nhân: anh Võ Văn B và chị Nguyễn Thị P tự nguyện tiến đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn và được UBND xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 187, ngày 02/12/2016. Hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại TP. B khoảng 01 năm để làm việc, sau khi sinh con thì hai người chuyển về sống cùng cha mẹ anh B tại xã X và mở của hàng vật liệu xây dựng ở xã L để kinh doanh. Trong quá trình chung sống, giữa hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai người không cùng chí hướng, vợ chồng

không chia sẻ được với nhau về những vấn đề trong cuộc sống và đã đã ly thân một tháng nay. Cả hai xác định không còn tình cảm, mặc dù đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng cả anh B và chị P đều giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung, cấp dưỡng: cả hai đương sự xác định có 01 con chung là Đào Tuấn Ph, sinh ngày: 20/7/2018. Khi ly hôn cả hai thống nhất giao cháu Ph cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 (Năm triệu) đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không ai có yêu cầu nên không xem xét.

- Về lệ phí: anh Đào Văn B và chị Nguyễn Thị P, mỗi người tự nguyện nộp 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đào Văn B và chị Nguyễn Thị P.

- Về con chung: giao cháu Đào Tuấn Ph, sinh ngày: 20/7/2018 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: hàng tháng anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Ph số tiền là 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành có có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có đương sự nào có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về các vấn đề khác: không có

2. Về lệ phí Tòa án: anh Đào Văn B tự nguyện nộp lệ phí sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng mà anh B đã nộp tại biên lai thu tiền số 00001652 ngày 24/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Anh B đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị P tự nguyện nộp lệ phí sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng mà chị P đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001653 ngày 24/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị P đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND H Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H Cẩm Mỹ;
- UBND xã X;
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN
(đã ký tên và đóng dấu)

Hà Thế Nam